

XÂY DỰNG HỌC PHẦN “VĂN HỌC THIẾU NHI” TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM NGỮ VĂN

Lê Nhật Kỳ

Trường Đại học Quy Nhơn
Email: lenhatky@gmail.com

Article history

Received: 21/8/2022
Accepted: 26/12/2022
Published: 20/01/2023

Keywords

Children's literature, training program, pedagogy, philology, teacher, junior high school

ABSTRACT

Improving professional competencies for pedagogical students is always the priority of teacher training institutions to meet the requirements for innovation in the current educational context. Accordingly, a number of training curricula - including the Philology Teaching Syllabus - have been adjusted to meet the requirements of the 2018 General Education Curriculum. Children's literature is an integral part of the overall literature, however, in the current pedagogical student training program, this genre has not been given due attention. The article proposes the additional design of the “Children's Literature” module into the program, the content of which involves theories of children's literature, characteristics of different genres such as folk tales, revised old stories, and adventure - travel stories, etc., together with the history of Vietnamese children's literature and foreign children's literature in Vietnam. The study contributes to providing meaningful guidance for higher education institutions, administrators, lecturers, etc., towards the goal of improving the training quality for philology student teachers.

1. Mở đầu

Trong công cuộc CNH, HĐH đất nước, đổi mới giáo dục là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của sự phát triển. Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT đã xác định mục tiêu của giáo dục phổ thông là: “... Bảo đảm cho HS có trình độ THCS (hết lớp 9) có tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau THCS” (Ban Chấp hành Trung ương, 2013).

Thực hiện nghị quyết trên, Bộ GD-ĐT đã xây dựng Chương trình giáo dục phổ thông (Bộ GD-ĐT, 2018), trong đó đề cập đến chuẩn trình độ GV các cấp. Nội dung này đòi hỏi các khoa, trường đại học sư phạm phải điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm đáp ứng tốt hơn những yêu cầu mới của giáo dục phổ thông. Từ nhận thức chung như vậy, trong bài báo này, chúng tôi đề xuất xây dựng bổ sung học phần “Văn học thiếu nhi” (VHTN) vào chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn. Lí do chủ yếu của đề xuất này là chuẩn bị cho người học những điều kiện chuyên môn cần thiết khi đảm nhận giảng dạy VHTN trong chương trình Ngữ văn THCS. Bài báo sẽ làm rõ các căn cứ của đề xuất, đồng thời nêu định hướng xây dựng nội dung học phần, nguồn tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu giảng dạy và học tập bộ môn.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Cơ sở để xuất xây dựng học phần “Văn học thiếu nhi” trong chương trình đào tạo đại học, ngành Sư phạm Ngữ văn

2.1.1. Văn học thiếu nhi là một bộ phận hữu cơ của nền văn học

Dựa trên chủ trương “cung cấp cho sinh viên (SV) những kiến thức nền tảng về văn học, ngôn ngữ và giáo dục” (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2019; Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019), chương trình đào tạo SV ngành Sư phạm Ngữ văn tại các khoa, trường sư phạm hiện nay đã xây dựng một hệ thống học phần phong phú, thể hiện rõ tính đặc thù của ngành học và mục đích đào tạo. Về phần văn học, các kiến thức về văn học dân gian Việt Nam, văn học trung đại Việt Nam, văn học hiện đại Việt Nam và văn học thế giới (châu Á, Mỹ Latinh, Nga...) đã được xây dựng thành từng học phần độc lập, có tính thừa tiếp chặt chẽ. Tuy nhiên, hệ thống tác giả, tác phẩm được lựa chọn để giảng dạy ở mảng VHTN hiện vẫn còn tương đối hạn chế.

VHTN là một bộ phận của văn học, bao gồm các tác phẩm được sáng tác nhằm hướng tới đối tượng độc giả dưới 16 tuổi (Maloch & Bomer, 2013). Bên cạnh đó, hệ thống VHTN cũng mở rộng, đón nhận một số tác phẩm như *Tây du kí* (Ngô Thừa Ân), *Rô-bin-xôn Cru-xô* (Daniel Defoe), *Đôn Ki-hô-tê* (Cervantes)... vì đáp ứng tốt nhu cầu giáo

dục và giải của tuổi thơ (Lê Bá Hán và cộng sự, 2006). Thực tế cho thấy, sáng tác cho thiếu nhi diễn ra từ rất sớm và liên tục, được thực hiện bởi các tác giả dân gian và thành văn (Hoàng Thị Hồng Phương, 2020). Ở Việt Nam, các văn nghệ sĩ “thấy rõ trách nhiệm của mình đối với các em, đã sáng tác một khối lượng đáng kể” (Xuân Quỳnh, 1982, tr 5). Theo đó, VHTN có lịch sử và bề dày thành tựu, là một bộ phận quan trọng trong nền văn học chung. Bởi vậy, chương trình Sư phạm Ngữ văn không thể bỏ qua nội dung VHTN khi trang bị cho SV kiến thức nền tảng về lịch sử văn học Việt Nam cũng như thế giới. Đồng thời, SV ngành Sư phạm Ngữ văn cần được giảng dạy về VHTN, vừa để đảm bảo hiểu biết có tính hệ thống, vừa có thể phục vụ thực hành nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

2.1.2. Văn học thiếu nhi có vị trí quan trọng trong chương trình Ngữ văn trung học cơ sở

Với tinh thần kế thừa, Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 tiếp tục sử dụng nhiều văn bản là tác phẩm VHTN phục vụ đọc hiểu và thực hành đọc hiểu. Các văn bản này được bố trí ở hầu hết các lớp 6, 7, 8 và 9, trong đó chủ yếu là ở hai lớp đầu cấp.

Bảng 1. Khảo sát văn bản tác phẩm VHTN được sử dụng trong sách giáo khoa Ngữ văn hai lớp 6 và 7 do nhóm tác giả bộ sách Cánh Diều và Kết nối tri thức với cuộc sống biên soạn

Lớp	Cánh diều	Kết nối tri thức
Lớp 6	<i>Trong lòng mẹ</i> (Nguyễn Hồng), <i>Bài học đường đời đầu tiên</i> (Tô Hoài), <i>Ông lão đánh cá và con cá vàng</i> (A. Puskin), <i>Cô bé bán diêm</i> (H. Andersen), <i>Anh Cút lũi</i> (Võ Quảng), <i>Lượm</i> (Tố Hữu), <i>Gấu con chân vòng kiềng</i> (Uxachov), <i>Sao không về Vàng ơi?</i> (Trần Đăng Khoa), <i>Bức tranh của em gái tôi</i> (Tạ Duy Anh), <i>Điều không tính trước</i> (Nguyễn Nhật Ánh), <i>Chích Bông ơi</i> (Cao Duy Sơn) và <i>Nắng trưa bồi hồi</i> (Phong Thu). Tổng cộng: 11 tác phẩm/trích đoạn.	<i>Bài học đường đời đầu tiên</i> (Tô Hoài), <i>Nếu cậu muốn có một người bạn</i> (A. Exupery), <i>Bắt nạt</i> (Nguyễn Thế Hoàng Linh), <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> (Xuân Quỳnh), <i>Mây và sóng</i> (R. Tagore), <i>Bức tranh của em gái tôi</i> (Tạ Duy Anh), <i>Cô bé bán diêm</i> (H. Andersen), <i>Con chào mào</i> (Mai Văn Phan), <i>Chuyện cổ nước mình</i> (Lâm Thị Mỹ Dạ), <i>Bài tập làm văn</i> (R. Gosciny). Tổng cộng: 10 tác phẩm/trích đoạn.
Lớp 7	<i>Người đàn ông cô độc giữa rừng</i> (Đoàn Giỏi), <i>Buổi học cuối cùng</i> (A. Daudet), <i>Độc đường xứ Nghệ</i> (Sơn Tùng), <i>Tiếng gà trưa</i> (Xuân Quỳnh), <i>Bạch tuộc</i> (Jules Verne), <i>Chất làm gỉ</i> (R. Bradbury), <i>Một trăm dặm dưới mặt nước</i> (Jules Verne), <i>Mây và sóng</i> (R. Tagore), <i>Rồi ngày mai con đi</i> (Lò Cao Nhum). Tổng cộng: 9 tác phẩm/trích đoạn	<i>Bầy chim chìa vôi</i> (Nguyễn Quang Thiều), <i>Ngàn sao làm việc</i> (Võ Quảng), <i>Ngôi nhà trên cây</i> (K.Tetsuko), <i>Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ</i> (Nguyễn Ngọc Thuần), <i>Người thầy đầu tiên</i> (C. Aytmatov), <i>Trong lòng mẹ</i> (Nguyễn Hồng), <i>Cuộc chạm trán trên đại dương</i> (Jules Verne), <i>Đường vào trung tâm vũ trụ</i> (Hà Thủy Nguyên), <i>Chiếc đĩa thần</i> (I. Efremov). Tổng cộng: 10 tác phẩm/trích đoạn

Trong các bộ sách giáo khoa Ngữ văn lớp 8 và 9, VHTN thường tập trung vào những tác phẩm như *Rô-bin-xon Cru-xô* (Daniel Defoe), *Đôn Ki-hô-tê* (Cervantes),... Về xuất xứ, đây là những tác phẩm viết cho người lớn nhưng lại có nội dung phù hợp, hấp dẫn đối với độc giả thiếu nhi và có thể được xem là VHTN. Bên cạnh đó, VHTN giữ vị trí quan trọng trong chương trình Ngữ văn THCS. Do đó, để dạy học Ngữ văn thực sự có hiệu quả, bản thân các GV phải được trang bị, bồi dưỡng năng lực cảm thụ, khám phá tác phẩm VHTN bởi thể loại văn học này có những đặc trưng, khác biệt với văn chương dành cho người lớn. Người dạy cần có tri thức lí thuyết về đối tượng để thực hiện hiệu quả hoạt động của mình. Với yêu cầu này, nhiều GV gặp nhiều khó khăn khi phải hướng dẫn HS khám phá tác phẩm một cách chủ động, vượt ra khỏi khuôn khổ chỉ dẫn của sách hướng dẫn. Trước đây, nhiệm vụ đào tạo đội ngũ GV Ngữ văn THCS được Bộ GD-ĐT giao cho các trường cao đẳng sư phạm. Nhưng hiện nay, yêu cầu về chuẩn trình độ của GV THCS đã thay đổi nên nhiệm vụ này đương nhiên thuộc về các khoa, trường đại học sư phạm. Như vậy, việc điều chỉnh chương trình đào tạo cần được xem là tất yếu, liên quan chặt chẽ tới kết quả của việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Chúng tôi đề xuất xây dựng học phần “VHTN” nhằm bổ sung vào chương trình đào tạo Sư phạm Ngữ văn, dựa trên sự cần thiết phải trang bị cho SV cái nhìn hệ thống bức tranh văn học và nhu cầu phát triển năng lực chuyên môn cho GV THCS. Nếu học phần được triển khai thì bên cạnh lợi ích chuyên môn, chương trình đào tạo còn góp phần khẳng định, thúc đẩy hoạt động sáng tác và nghiên cứu phê bình VHTN.

2.2. Đề xuất thiết kế nội dung học phần “Văn học thiếu nhi” cho sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn

Học phần “VHTN” có nhiệm vụ trang bị cho SV hệ thống kiến thức cơ bản về lí thuyết và lịch sử VHTN. Trên cơ sở hiểu biết hệ thống về đối tượng, SV sẽ biết cách nhận diện và phân tích giá trị tác phẩm VHTN phù hợp với đặc trưng thể loại và tâm lí lứa tuổi, nhất là những tác phẩm được sử dụng dạy học trong nhà trường phổ thông (Phạm Thị Thu Hương, 2017). Nguồn tài liệu hỗ trợ cho việc biên soạn bài giảng, giáo trình VHTN hiện nay ở Việt Nam khá phong phú. Chẳng hạn: *Vì trẻ thơ* (Xuân Quỳnh, 1982), *Văn học* (Cao Đức Tiến & Dương Thị Hương, 2007), *Hệ thống thể loại trong VHTN* (Châu Minh Hùng & Lê Nhật Ký, 2009), *Truyện đồng thoại trong văn học Việt Nam hiện đại* (Lê Nhật Ký, 2016), *VHTN Việt Nam một số vấn đề về tác phẩm và thể loại* (Vân Thanh, 2019),... Bên cạnh đó, người biên soạn cũng cần mở rộng tham khảo nguồn tài liệu nước ngoài, đặc biệt là ở những quốc gia có thành tựu lớn về nghiên cứu và giảng dạy VHTN như Trung Quốc, Nhật, Nga, Pháp, Mỹ...

Tri thức VHTN có tồn tại trong các học phần *Văn học dân gian*, *Văn học Việt Nam hiện đại* và *Văn học nước ngoài*. Do đó, một sự lưu ý nhất định của các học phần kể trên cũng sẽ góp phần mở rộng, củng cố hiểu biết về VHTN cho SV. Nói cách khác, SV được quan sát, tiếp cận đối tượng VHTN từ những góc nhìn khác. Hiểu biết của người học về VHTN Việt Nam và nước ngoài chắc chắn sẽ trở nên phong phú và sâu sắc hơn. Việc xây dựng nội dung học phần “VHTN” được căn cứ vào đặc điểm của đối tượng và chương trình Ngữ văn ở nhà trường phổ thông. Theo đó, học phần “VHTN” cần đề cập tới 4 nội dung cơ bản: (1) Khái niệm và đặc trưng VHTN; (2) Hệ thống thể loại VHTN; (3) VHTN Việt Nam; (4) VHTN nước ngoài ở Việt Nam.

2.2.1. Khái niệm và đặc trưng văn học thiếu nhi

- *Cơ sở xây dựng nội dung*: Tuy được học nhiều học phần về lí luận văn học nhưng SV ngành Sư phạm Ngữ văn vẫn xa lạ với đối tượng VHTN. Ở một số cơ sở giáo dục đại học, mục đích cơ bản của chương trình Sư phạm Ngữ văn là đào tạo GV cho trường THPT. Vì thế, các vấn đề lí thuyết của VHTN đã không được chọn lựa trình bày trong giáo trình cũng như bài giảng về lí luận văn học. Trong hệ thống văn học chung, VHTN là một bộ phận có nhiều tính riêng, như rất coi trọng chức năng giáo dục, chấp nhận hình tượng đơn nghĩa, ngôn ngữ sáng rõ... Với đặc điểm như thế nên VHTN rất cần được trình bày bằng một hệ thống lí thuyết riêng.

- *Nội dung cụ thể*: Học phần sẽ giới thiệu khái niệm VHTN, đồng thời phân tích các đặc trưng cơ bản của đối tượng trong mối quan hệ so sánh với văn chương người lớn. Với nội dung này, SV sẽ biết được xuất xứ của thuật ngữ “VHTN”; tương đồng và khác biệt trong hoạt động sáng tác cho trẻ em giữa các tác giả là người lớn và thiếu nhi, chuyên nghiệp và chuyên viết, chuyên nghiệp và không chuyên; đặc điểm của bộ phận văn học nhi đồng, văn học thiếu niên; đặc điểm hoạt động tiếp nhận văn học của thiếu nhi nói chung, HS THCS nói riêng.

- *Lợi ích của người học*: Xác lập được tiêu chí nhận diện VHTN; diễn giải được một số vấn đề về tính giáo dục và giải trí, khả năng mở rộng tầm ảnh hưởng của tác phẩm VHTN.

2.2.2. Hệ thống thể loại văn học thiếu nhi

- *Cơ sở xây dựng nội dung*: Chịu chi phối bởi đối tượng bạn đọc nên VHTN còn sử dụng một số thể loại đặc thù như truyện đồng thoại, truyện cổ tích hiện đại, truyện phiêu lưu - du kí, truyện khoa học viễn tưởng, truyện danh nhân, tự truyện, đồng dao hiện đại... Hầu hết những thể loại này đều có tác phẩm được sử dụng giảng dạy trong chương trình Ngữ văn THCS. Đơn cử: Truyện đồng thoại: *Bài học đường đời đầu tiên* (Tô Hoài), *Anh Cút lủi* (Võ Quảng); Truyện khoa học viễn tưởng: *Cuộc chạm trán trên đại dương* (Jules Verne), *Đường vào trung tâm vũ trụ* (Hà Thủy Nguyên); Truyện phiêu lưu - du kí: *Rô-bin-xon ngoài đảo hoang* (Daniel Defoe)... Những thể loại kể trên không được đề cập trong các học phần lí luận văn học hiện hành.

- *Nội dung cụ thể*: Học phần giới thiệu khái quát về hệ thống thể loại VHTN, sau đó tập trung làm rõ đặc điểm thi pháp của một số thể loại tiêu biểu, có liên quan trực tiếp đến chương trình Ngữ văn THCS. Cụ thể, đó là thể loại truyện đồng thoại, truyện khoa học viễn tưởng, truyện cổ tích hiện đại, tự truyện và thơ viết theo thi pháp đồng dao... Những thể loại vừa kể đều nằm trong khu vực văn học viết, văn học hiện đại. Do đó, mỗi một tác phẩm đều in đậm dấu ấn sáng tạo của nhà văn, nhà thơ - tức không tuân thủ chặt chẽ “khung thể loại” như các sáng tác dân gian. Tuy vậy, mỗi một thể loại đều có những nguyên tắc sáng tạo và chức năng nghệ thuật cụ thể; người học cần phải “thuộc nằm lòng” để mở lối tiếp cận, khám phá giá trị từng tác phẩm cụ thể.

- *Lợi ích của người học*: Phân tích tác phẩm theo thể loại là một hướng nghiên cứu, giảng dạy văn học được đề cao lâu nay. Vì vậy, trang bị cho người học những tri thức lí thuyết về các thể loại kể trên là cần thiết, góp phần làm cho quá trình dạy học tác phẩm VHTN ở trường THCS diễn ra thuận lợi, hiệu quả.

2.2.3. Văn học thiếu nhi Việt Nam

- *Cơ sở đề xuất:* VHTN là một bộ phận góp phần làm nên tính toàn vẹn của lịch sử văn học nước nhà. Do đó, chương trình đào tạo cần cung cấp cho SV những thông tin về quy luật, điều kiện phát triển cũng như thành tựu của VHTN - nhất là về những tác giả, tác phẩm được sử dụng trong chương trình Ngữ văn THCS.

- *Nội dung cụ thể:* Giáo trình giới thiệu tổng thể về bức tranh VHTN, bao gồm bộ phận văn học dân gian và văn học viết. Trong đó, giáo trình tập trung trình bày về thời điểm ra đời, các chặng đường phát triển và thành tựu tác giả, tác phẩm của VHTN Việt Nam. Theo đó, VHTN Việt Nam nảy sinh và phát triển trong thời kì hiện đại, dưới tác động của cuộc tiếp xúc văn hóa Đông - Tây (đầu thế kỉ XX) và đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng (từ 8/1945 trở lại đây). Kết quả, VHTN Việt Nam phát triển theo hướng ngày càng chuyên nghiệp, có nhiều cây bút chuyên viết cho các em như Phạm Hồ, Võ Quảng, Trần Hoài Dương, Phong Thu... Hầu hết các thể loại ưa thích của thiếu nhi đều được quan tâm khai thác, dù có thể nhà văn Việt Nam chưa thật sở trường. Thành tựu của VHTN còn được ghi nhận qua các tác phẩm “xuất ngoại” như: *Đế Mèn phiêu lưu kí* (Tô Hoài), *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi), *Cuộc phiêu lưu của Văn Ngạn tướng công* (Vũ Tú Nam), *Cho tôi một vé đi tuổi thơ* (Nguyễn Nhật Ánh),...

- *Lợi ích của người học:* Nhận thức đầy đủ về lịch sử văn học Việt Nam hiện đại, hiểu được vì sao thời kì trung đại không có hoạt động sáng tác cho thiếu nhi. Quan trọng hơn, đó là biết vận dụng bối cảnh lịch sử để diễn giải đặc điểm, giá trị các tác phẩm VHTN có trong chương trình Ngữ văn THCS.

2.2.4. Văn học thiếu nhi nước ngoài ở Việt Nam

- *Cơ sở đề xuất:* VHTN nước ngoài xuất hiện ở Việt Nam là kết quả tất yếu của quá trình tiếp xúc văn hóa Đông - Tây diễn ra liên tục, sâu sắc. Bên cạnh việc thỏa mãn nhu cầu thưởng thức của bạn đọc, VHTN nước ngoài còn góp phần làm nảy sinh và phát triển VHTN Việt Nam. Trong chương trình Ngữ văn THCS, có sự hiện diện của khá nhiều tác phẩm VHTN thuộc nhiều nền văn học khác nhau; hấp dẫn, mới lạ với các truyện kể đậm chất phiêu lưu, kinh dị... Với vai trò như vậy, VHTN nước ngoài rất cần được giáo trình giới thiệu, đánh giá đóng góp một cách hệ thống; tạo tiền đề cho những so sánh giữa VHTN Việt Nam và VHTN thế giới.

- *Nội dung cụ thể:* Trước hết, giáo trình giới thiệu khái quát về quá trình du nhập của VHTN nước ngoài vào Việt Nam, bao gồm thời điểm mở đầu và diễn biến ở các giai đoạn lịch sử kế tiếp. Nội dung trọng tâm sẽ tập trung làm nổi rõ các giá trị đặc sắc của VHTN thế giới về đề tài, thể loại, hình tượng nghệ thuật...

- *Lợi ích của người học:* Thấy được thế mạnh của VHTN nước ngoài; biết so sánh để nhận diện về riêng của VHTN Việt Nam.

Có thể thấy, khối lượng kiến thức như đề xuất ở trên là rất phong phú, liên quan tới nhiều khía cạnh khác nhau của đối tượng. Theo đó, chương trình đào tạo nên dành cho học phần “VHTN” có thời lượng 3 tín chỉ để giải quyết thấu đáo mọi vấn đề đặt ra. Học phần “VHTN” sẽ được bố trí giảng dạy trong một học kì cụ thể, có 15 tuần chính thức và 1 - 2 tuần dự trữ. Với thời gian học tập như vậy, chúng tôi thiết kế kế hoạch giảng dạy chi tiết như sau:

Bảng 2. Thiết kế kế hoạch giảng dạy chi tiết học phần “VHTN”

Buổi học	Nội dung	Buổi học	Nội dung
Buổi 1 (3 tiết)	Chương 1. Khái niệm và đặc trưng VHTN 1.1. Khái niệm VHTN	Buổi 9 (3 tiết)	Chương 3. VHTN Việt Nam 3.2. Văn học viết cho thiếu nhi Việt Nam
Buổi 2 (3 tiết)	Chương 1. Khái niệm và đặc trưng VHTN 1.2. Đặc trưng VHTN	Buổi 10 (3 tiết)	Chương 3. VHTN Việt Nam 3.3. Những phong cách tiêu biểu
Buổi 3 (3 tiết)	Chương 2. Hệ thống thể loại văn học viết cho thiếu nhi 2.1. Khái quát chung về hệ thống thể loại VHTN	Buổi 11 (3 tiết)	Chương 3. VHTN Việt Nam 3.4. Những phong cách tiêu biểu (tiếp theo)
Buổi 4 (3 tiết)	Chương 2. Hệ thống thể loại văn học viết cho thiếu nhi 2.2. Truyện đồng thoại và Cổ tích hiện đại	Buổi 12 (3 tiết)	Chương 4. VHTN nước ngoài ở Việt Nam 4.1. Quá trình du nhập của VHTN nước ngoài vào Việt Nam

Buổi 5 (3 tiết)	Chương 2. Hệ thống thể loại văn học viết cho thiếu nhi 2.3. <i>Truyện cổ viết lại</i>	Buổi 13 (3 tiết)	Chương 4. VHTN nước ngoài ở Việt Nam 4.2. <i>Những giá trị đặc sắc của VHTN nước ngoài</i>
Buổi 6 (3 tiết)	Chương 2. Hệ thống thể loại văn học viết cho thiếu nhi 2.4. <i>Truyện phiêu lưu du kí và Khoa học viễn tưởng</i>	Buổi 14 (3 tiết)	Chương 5. VHTN trong chương trình Ngữ văn THCS 5.1. <i>Hệ thống tác phẩm</i>
Buổi 7 (3 tiết)	Chương 2. Hệ thống thể loại văn học viết cho thiếu nhi 2.5. <i>Thơ viết theo thi pháp đồng dao</i>	Buổi 15 (3 tiết)	Chương 5. VHTN trong chương trình Ngữ văn THCS 5.2. <i>Phương pháp cảm thụ, phân tích tác phẩm</i>
Buổi 8 (3 tiết)	Chương 3. VHTN Việt Nam 3.1. <i>Văn học dân gian cho thiếu nhi</i>		

3. Kết luận

Xây dựng học phần “VHTN” trong chương trình đào tạo Sư phạm Ngữ văn là một sự bổ sung cần thiết, phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay. Bên cạnh việc mở rộng hiểu biết về hệ thống văn học, chương trình còn có ý nghĩa chuẩn bị cho SV những điều kiện chuyên môn cần thiết để thực hành nghề nghiệp khi về dạy học tại các trường THCS. VHTN là một thực thể nghệ thuật có nhiều khác biệt với bộ phận văn học người lớn, do đó, việc dựa vào sách hướng dẫn dạy học để soạn giáo án và triển khai tổ chức giờ dạy học Ngữ văn cần được xem là một giải pháp tình thế. Về lâu dài, GV THCS cần được trang bị kiến thức lí thuyết và lịch sử VHTN một cách hệ thống, chuyên sâu để có được sự chủ động cần thiết để hướng dẫn HS học tập, khám phá những giá trị tiềm ẩn trong văn bản mà sách giáo khoa hay sách hướng dẫn dạy học Ngữ văn chưa chú ý tới. Có như vậy, giờ dạy học Ngữ văn chắc chắn sẽ trở nên thú vị, gây dựng lòng yêu thích văn chương cho HS.

Tài liệu tham khảo:

- Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo đã xác định mục tiêu của giáo dục phổ thông đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).*
- Cao Đức Tiến, Dương Thị Hương (2007). *Tài liệu đào tạo giáo viên tiểu học trình độ cao đẳng và đại học sư phạm.* NXB Đại học Sư phạm.
- Châu Minh Hùng, Lê Nhật Ký (2009). *Hệ thống thể loại trong văn học thiếu nhi.* NXB Giáo dục Việt Nam.
- Hoàng Thị Hồng Phương (2020). *Tổ chức dạy học văn học thiếu nhi Việt Nam cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.* *Tạp chí Giáo dục*, 470, 24-29.
- Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2006). *Từ điển thuật ngữ văn học.* NXB Giáo dục.
- Lê Nhật Ký (2016). *Truyện đồng thoại trong văn học Việt Nam hiện đại.* NXB Giáo dục Việt Nam.
- Maloch, B., & Bomer, R. (2013). *Informational Texts and the Common Core Standards.* National Council of Teachers of English.
- Phạm Thị Thu Hương (chủ biên, 2017). *Giáo trình thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông.* NXB Đại học Sư phạm.
- Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội (2019). *Chương trình đào tạo Sư phạm Ngữ văn.* <http://education.vnu.edu.vn/files/2021/M%C3%B4%20t%E1%BA%A3%20CT%20c%E1%BB%AD%20nh%C3%A2n%20ng%E1%BB%AF%20v%C4%83n%202019.pdf>
- Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2019). *Chương trình đào tạo Sư phạm Ngữ văn.* <https://tuyensinh.hnue.edu.vn/khung-chuong-trinh/p/khung-chuong-trinh-dao-cao-tao-su-pham-ngu-van-k69-332>
- Vân Thanh (2019). *Văn học Thiếu nhi Việt Nam một số vấn đề về tác phẩm và thể loại.* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Xuân Quỳnh (1982). *Vì trẻ thơ.* NXB Tác phẩm mới.